

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v không nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con của nam nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Lương Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mông Thị S; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn Q; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mông Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 – 2018, chị Mông Thị S đi làm ở địa phương khác, hai người không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa. Từ đó đến nay chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Xác định không còn tình cảm với anh Hà Văn Q, chị Mông Thị S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Hà Văn Q.

Về con chung: Chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q có hai con chung là cháu Hà Thị A, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Hà Việt C, sinh ngày 03/01/2008. Hiện tại hai con đang ở anh Hà Văn Q. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu khi không công nhận quan hệ vợ chồng, anh Hà Văn Q là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con và chị Mông Thị S không cấp dưỡng nuôi con. Sau đó, chị Mông Thị S thay đổi ý kiến, chị Mông Thị S cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Văn Q số tiền 500.000 đồng/ 01 con/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi mỗi cháu Hà Thị A, cháu Hà Việt C đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hà Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị Mông Thị S. Nay chị Mông Thị S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí vì giữa hai người không còn tình cảm.

Về con chung: Nhất trí với ý kiến của chị Mông Thị S. Anh Hà Văn Q không yêu cầu chị Mông Thị S phải chịu tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên do thuộc trường hợp không đăng ký kết hôn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

tổ tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về căn cứ việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83; 110; khoản 1 Điều 116; 117; khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q. Khi không công nhận quan hệ vợ chồng, anh Hà Văn Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con và chị Mông Thị S cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/01 tháng/01 con. Phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Hà Thị A, cháu Hà Viết C đủ 18 tuổi. Chị Mông Thị S không phải chịu tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn Q không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có. Về án phí: Chị Mông Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q tự nguyện sống chung từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn. Nay nguyên đơn yêu cầu không công nhận chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q là vợ chồng, bị đơn trú tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 2004 đến nay, chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hôn nhân không được

phát luật thừa nhận và bảo vệ. Nay các đương sự có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh Hà Văn Q và chị Mông Thị S có 02 con chung là cháu Hà Thị A, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Hà Viết C, sinh ngày 03/01/2008. Hiện tại, hai con đang ở với anh Hà Văn Q. Chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q tự nguyện thống nhất, sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng, anh Hà Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con; chị Mông Thị S cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/01 tháng/01 con; phương thức cấp dưỡng theo tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Hà Thị A, cháu Hà Viết C đủ 18 tuổi; chị Mông Thị S không phải chịu tiền lãi do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con do anh Hà Văn Q không yêu cầu. Xét thấy sự thỏa thuận này của anh chị phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh Hà Văn Q và chị Mông Thị S, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Thị A, cháu Hà Viết C và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và các con nên được chấp nhận. Chị Mông Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 15, 81, 82, 83; 110; khoản 1 Điều 116; 117; khoản 1 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Mông Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83; 110; khoản 1 Điều 116; 117; khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mông Thị S, cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân

Không công nhận chị Mông Thị S và anh Hà Văn Q là vợ chồng.

1.2. Về con chung

Giao cháu Hà Thị A, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Hà Viết C, sinh ngày 03/01/2008, hiện đang ở anh Hà Văn Q, cho anh Hà Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Mông Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Văn Q mỗi tháng 500.000 đồng/01 con. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Hà Thị A, cháu Hà Viết C đủ 18 tuổi.

Chị Mông Thị S không phải chịu tiền lãi do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Mông Thị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Án phí

Chị Mông Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Mông Thị S đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001994 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Mông Thị S phải nộp thêm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng